TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 71/2019/DS-ST
Ngày: 29 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Đình Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 251/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2019/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2019/QĐST-DS, ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1982; *Chức vụ:* Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số A, đường B, thôn C, xã Đ, huyện C, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện C, tỉnh Bình Thuận.

Tạm trú: Số M, đường N, thôn F, xã Đ, huyện C, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Kim Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn F, xã Đ, huyện C, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà T và bà Y; vắng mặt bà Đ không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày: Vào ngày 13/11/2013, quỹ tín dụng nhân dân H (Sau đây gọi tắt là quỹ tín dụng) đã ký 01 hợp đồng tín dụng số H.13/0308_04/HĐTD với người vay là bà Lê Thị Kim Y và người thừa kế là bà Lê Thị Kim Đ để vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất khi vay là 1,3%/tháng, lãi quá hạn 1,95%/tháng. Khoản vay được giải ngân vào ngày 15/11/2013. Sau đó, món vay đã được gia hạn 12 tháng nên tính quá hạn từ ngày 15/11/2015. Bà Y và bà Đ đã trả được 1.000.000 đồng tiền nợ vay và tiền lãi trả đến ngày 27/12/2015 là 10.179.000 đồng (Mười triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng), hiện còn nợ lại số tiền nợ vay là 29.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn còn phải trả là 27.095.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà Y và bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho quỹ tín dụng số tiền nợ vay là 29.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất trong hạn 1,3%/tháng, kể từ ngày 28/12/2015 đến nay 29/11/2019 là 18.036.500 đồng. Bà Y và bà Đ còn phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất trong hạn của hợp đồng tín dụng số H.13/0308_04/HĐTD ngày 13/11/2013, kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả xong tiền nợ vay. Bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

Theo bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Kim Ytrình bày: Vào ngày 13/11/2013, bà (Người vay) và chị ruột là bà Lê Thị Kim Đ (Người thừa kế) đã ký 01 hợp đồng tín dụng số H.13/0308_04/HĐTD với quỹ tín dụng nhân dân H để vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất khi vay là 1,3%/tháng, lãi quá hạn 1,95%/tháng. Khoản vay được giải ngân vào ngày 15/11/2013. Sau đó, món vay đã được gia hạn 12 tháng. Bà đã trả được 1.000.000 đồng tiền nợ vay và trả tiền lãi đến ngày 27/12/2015 là 10.179.000 đồng (Mười triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng) cho quỹ tín dụng. Nguyên đơn yêu cầu bà và bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 47.063.500 đồng (Trong đó, tiền nợ vay là 29.000.000 đồng và tiền lãi tính tới ngày 29/11/2019 là 18.063.000 đồng) thì bà đồng ý trả. Nhưng bà xin một mình bà trả số nợ này và được trả dần mỗi tháng trả 300.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Các văn bản tố tụng do bà nhận thay bà Đ thì bà đã giao lại tận tay cho bà Đ. Tuy nhiên, do bà Đ bị bệnh nên không thể lên Tòa án tham gia được. Tại thời điểm vay tiền thì bà đã ly hôn chồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015 thì pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ Luật dân sự năm 2015 do đây là giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự 2015.

[5] Nội dung vụ án:

[a] Về hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, do đó đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 13/11/2013, Quỹ tín dụng nhân dân H đã ký 01 hợp đồng tín dụng số H.13/0308_04/HĐTD với người vay là bà Lê Thị Kim Y và người thừa kế là bà Lê Thị Kim Đ để vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất khi vay là 1,3%/tháng, lãi quá hạn 1,95%/tháng. Khoản vay được giải ngân vào ngày 15/11/2013. Sau đó, món vay đã được gia hạn thời hạn vay thêm 12 tháng. Tính tới ngày 29/11/2019, số tiền lãi phát sinh là 27.095.000 đồng. Bà Y và bà Đ đã trả được 1.000.000 đồng tiền nợ vay và

10.179.000 đồng (Mười triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền lãi phát sinh cho Quỹ tín dụng, hiện còn nợ lại số tiền nợ vay là 29.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn còn phải trả là 27.095.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ phải trả lãi theo mức lãi suất trong hạn là 1,3%/tháng, kể từ ngày 28/12/2015 đến nay 29/11/2019 là 18.063.500 đồng. Bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Đây là ý kiến tự nguyện của nguyên đơn mà không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

[b] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh. Về lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất nên được chấp nhận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn phải trả số tiền nợ vay 29.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn còn phải trả là 18.063.500 đồng.

Về ý kiến của bị đơn xin trả dần hàng tháng 300.000 đồng. Xét thấy nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[c] Về nghĩa vụ trả nợ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 13/11/2013 thể hiện bà Lê Thị Kim Đ cũng đồng ý chịu trách nhiệm về khoản vay của bà Lê Thị Kim Y. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 05/6/2019, bà Đáng cũng trình bày là có thừa kế món vay của bà Y và xác nhận có liên quan đến món vay. Do đó, đủ cơ sở để buộc bà Lê Thị Kim Đ phải có nghĩa vụ liên đới với bà Lê Thị Kim Y trả cho quỹ tín dụng nhân dân H tiền nợ vay và tiền nợ lãi phát sinh.

[6] Căn cứ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bà Y và bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất trong hạn của hợp đồng tín dụng số H.13/0308_04/HĐTD ngày 13/11/2013.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Lê Thị Kim Y và bà Lê Thị Kim Đ phải liên đới trả cho quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 47.063.500 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 29.000.000 đồng và tiền lãi là 18.063.500 đồng.

Kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bà Y và bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất trong hạn của hợp đồng tín dụng số H.13/0308_04/HĐTD ngày 13/11/2013.

3/ Về án phí DSST:

Bà Lê Thị Kim Y và bà Lê Thị Kim Đ phải liên đới chịu 2.353.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Quỹ tín dụng nhân dân H.3 không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 1.355.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025620 ngày 30/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (21/11/2019). Báo cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *Chi cục THA huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *Lưu HSVA, QĐ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phúc Thị Thu Hà